

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày / /2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố)

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (03 TTHC)							
1	1	1.014787	Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản 21 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian thẩm định được tăng thêm 10 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt;	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Điều 100a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	2	1.014788	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy 26 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính	Lựa chọn một trong các hình thức:	Không quy định	- Điều 59a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			phép khai thác khoáng sản	nhu cầu khai thác khoáng sản.	công thành phố Hà Nội	- Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3	3	1.014789	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản	24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản theo quy định.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Điều 45 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (01 TTHC)								
4	1	1.014786	Khai thác thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản	Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	(1) Miễn phí khi khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản đối với thông tin cơ bản được công bố công khai trên Cổng thông tin địa chất và khoáng sản quốc gia. (2) Trừ trường hợp nêu trên, tổ chức, các nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản phải nộp phí, lệ phí theo quy định tại Điều 2, Điều 4 và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 11/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản.	- Điều 10 và Điều 11 Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Phụ lục II

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTPVHCC ngày / /2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố)

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	
A THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (28 TTHC)								
1	1	1.014260	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	29 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	Điều 31 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	2	1.014261	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	80 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đề nghị của tổ chức, cá nhân; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 70 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật;	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng	Điều 36, 42, 110c Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ.		- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.	của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	3	1.014262	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản	34 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	Điều 38, 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	4	1.014263	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	46 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp;	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số	Điều 37, 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	công thành phố Hà Nội	- Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.	được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	5	1.014264	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản	* Trường hợp thay đổi tên tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản: 14 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 12 ngày	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;	Không quy định	- Điều 39, 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. * Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: 26 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc,		- Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		- Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.				
6	6	1.014268	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản	26 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Điều 41, 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				nhận được kết quả giải quyết.				
7	7	1.014271	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	26 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép	Điều 40, 44, 110c Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
8	8	1.014273	Thăm dò bổ sung đề nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	24 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 19 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp đề án thăm dò cần chỉnh sửa, bổ sung thì thời hạn giải quyết tăng thêm 05 ngày làm việc) không tính thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; - Thời hạn xem xét, chấp thuận và trả kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Điều 68 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
9	9	1.014257	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản	1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c,	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật;	Mức thu lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp	- Điều 61, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố: 70 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt;		- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: (1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: - Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 1.000.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép; (2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nông công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. 2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản: 55 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc);			100.000 m³/năm, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép; - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép; - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			- Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. 3. Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV: 22 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra, rà soát và thẩm định hồ sơ: 15 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 05 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức,			là 30.000.000 đồng/01 giấy phép; (3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép. (4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 80.000.000 đồng/01 giấy phép. (5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 100.000.000 đồng/01 giấy phép. (6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên: - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan. 4. Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV: 12 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra, rà soát và thẩm định hồ sơ: 09 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ			40.000.000 đồng/01 giấy phép; - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép. (7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 60.000.000 đồng/01 giấy phép. (8) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép.	

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				(trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 03 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 03 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;				
10	10	1.014265	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản	1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp;	Không quy định	- Điều 61, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố: 70 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ	công thành phố Hà Nội	- Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. 2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản: 55 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ				

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.				
11	11	1.014266	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản	1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố: 34 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:	- Điều 62, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. 2. Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV: 18 ngày làm việc			(1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: - Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép; (2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			- Thời hạn kiểm tra, rà soát và thẩm định hồ sơ: 11 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 05 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu			là 7.500.000 đồng/01 giấy phép; - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép;	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan. 3. Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV: 10 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra, rà soát và thẩm định hồ sơ: 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 03 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 03 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 02 ngày làm việc,			(3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép. (4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép. (5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép. (6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên: - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép;	

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.			- Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/01 giấy phép; (7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép.	
12	12	1.014267	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản	1. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoáng định và công bố đề nghị: Điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; Tăng hoặc giảm công suất khai thác; Thay đổi, bổ sung	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Điều 64, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				phương pháp khai thác; Trả lại một phần diện tích khai thác; Bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm, trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 64 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 23 Điều 1 của Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; Tăng mức sâu khai thác hoặc mở rộng ranh giới khu vực khai thác sau khi kết quả thăm dò xuống sâu, mở rộng được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền công nhận; mở rộng ranh giới khu vực khai thác khoáng sản nhằm khai thác tối đa trữ lượng khoáng sản đã phê duyệt hoặc công nhận trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; Điều chỉnh nội dung chế biến khoáng sản, mục				

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			đích sử dụng, tiêu thụ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 16/01/2026: 34 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt (trường hợp lấy ý kiến Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định việc điều chỉnh giấy phép khai thác				

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				khoáng sản đất hiếm thì thời gian lấy ý kiến không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. 2. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt và công bố đề nghị: Thay đổi tên gọi của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; Điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khác quan nhưng không dẫn đến				

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận; Bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm là khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản nhóm IV (bao gồm đất, đá tảng phủ, xen kẹp được xác định phải thải loại trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản) để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản: 15 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc,				

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. 3. Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố có một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 29 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định;				

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. 4. Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị: Thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; Mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; Tăng công suất khai thác khoáng sản; Thay đổi tên gọi của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm				

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				hoạt động khoáng sản: 18 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra, rà soát và thẩm định hồ sơ: 11 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 05 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;				

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan. 5. Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị: Thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; Mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; Tăng công suất khai thác khoáng sản; Thay đổi tên gọi của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; Thay đổi hoặc bổ sung công trình, dự án sử dụng khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản				

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 10 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra, rà soát và thẩm định hồ sơ: 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 03 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 03 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận				

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; 6. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị điều chỉnh công suất khai thác khoáng sản nhóm IV để phục vụ công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.				
13	13	1.014269	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản	1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Điều 65, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				công bố: 34 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. 2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng				

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				sản nhóm IV: 25 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra, rà soát và thẩm định hồ sơ: 18 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn thông báo kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.				
14	14	1.014270	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	34 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp;	Mức thu lệ phí cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản khi chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-	Điều 66, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.		- Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: (1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: - Có công suất khai thác dưới 5.000 m3/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác từ 5.000 m3/năm đến 10.000 m3/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác trên 10.000 m3/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép; (2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại	21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
							đã quy định tại điểm (1) nêu trên: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép; - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có	

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
							diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép; (3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép. (4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép. (5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép. (6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng	

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
							sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên: - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép; - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/01 giấy phép; (7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép.	
15	15	1.014272	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản	1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và nội dung giấy phép khai thác khoáng sản không quy định diện tích khu vực	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật;	1. Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: Không quy định. 2. Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản	- Điều 61, 67 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			khai thác khoáng sản hoặc mức sâu được phép khai thác: 17 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp lấy ý kiến Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định việc cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đất hiếm thì thời gian lấy ý kiến không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. 2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị: (1) Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đối với giấy		- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản: Mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: (1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: - Có công suất khai thác dưới 5.000 m3/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác từ 5.000 m3/năm đến 10.000 m3/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Có công suất khai thác trên 10.000 m3/năm, mức	của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và nội dung giấy phép khai thác khoáng sản không quy định trữ lượng hoặc khối lượng khoáng sản được phép khai thác hoặc không quy định thời hạn khai thác; (2) Thực hiện việc cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; (3) Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đổi với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và nội dung giấy phép khai thác khoáng sản đồng thời thuộc nhiều trường hợp sau: không quy định trữ lượng hoặc khối lượng khoáng sản được phép khai thác, không quy định thời hạn khai thác, không quy định diện tích			thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép; (2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép; - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			khu vực khai thác khoáng sản hoặc mức sâu được phép khai thác: 34 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt (trường hợp lấy ý kiến Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định việc cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đất hiếm thì thời gian lấy ý kiến			khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép; (3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép. (4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép.	

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.			(5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép. (6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên: - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép; - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/01 giấy phép; (7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép.	
16	16	1.014466	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản	1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ	Lựa chọn một trong các hình thức:	Nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản áp dụng Thông tư số	- Điều 54a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			sản nhóm I có quy mô phân tán, nhỏ lẻ; khoáng sản nhóm II: 57 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. 2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng	hành chính công thành phố Hà Nội	- Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản: Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT) đến 01 tỷ đồng, mức phí là: 10 triệu đồng Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT) trên 01 đến 10 tỷ đồng, mức phí là: 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng) Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT) Trên 10 đến 20 tỷ đồng, mức phí là: 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng) Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không	được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			sản nhóm III và việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà không phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật: 34 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc, kể từ ngày			bao gồm thuế GTGT) trên 20 tỷ đồng, mức phí là: 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng)	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			nhận được kết quả giải quyết. 3. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm III và việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật: 42 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 31 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc,				

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.				
17	17	1.014274	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	63 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 50 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc,	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Điều 103 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.				
18	18	1.014276	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	60 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 50 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Điều 104 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
19	19	1.014277	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	26 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 08 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Điều 105 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
20	20	1.014278	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	1. Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp;	Không quy định	- Điều 106 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận: 50 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 12 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	công thành phố Hà Nội	- Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				2. Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản: 29 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.				
21	21	1.014295	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	* Đối với các trường hợp: (1) Quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần; (2) Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác khoáng	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp;	Không quy định	- Điều 131 và 140 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			sản, khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản; (3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ; giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực; giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản hết hiệu lực nhưng không phải đóng cửa mỏ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 82 Luật Địa chất và khoáng sản: Thời hạn quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ (trường hợp	công thành phố Hà Nội	- Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thì thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản). * Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản lần đầu theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 111 của Luật Địa chất và khoáng sản: Thời hạn quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trước ngày 31/12/2026.				
22	22	1.014291	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	12 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật;	Không quy định	- Điều 34 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
23	23	1.014292	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Trong 39 ngày làm việc: - Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: 32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của tổ chức, cá nhân; - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Điều 14 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
24	24	1.014279	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Trong 26 ngày làm việc: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật;	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản là	- Điều 79 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 08 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.		- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	5.000.000 đồng /01 giấy phép.	
25	25	1.014280	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Trong 21 ngày làm việc: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn) là 2.500.000 đồng/01 giấy phép	- Điều 80 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				tăng thêm 05 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.				
26	26	1.014281	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm: 16 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Điều 81 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. * Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thay đổi tên tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận, thẩm định và ra quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày				

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.				
27	27	1.014282	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Trong 16 ngày làm việc: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Điều 82 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

[illegible]

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
29	1	1.014289	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	09 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
30	2	1.014290	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 08 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (thời gian lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan có liên quan trong trường hợp cần thiết không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ). - Thời hạn xem xét, quyết định và trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành nội dung thẩm định hồ sơ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Điều 7 Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
31	3	1.014346	Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản	* Trường hợp giao nộp báo cáo, dữ liệu địa chất, khoáng sản: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ giao nộp hợp lệ. * Trường hợp giao nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ mẫu vật hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Điều 5 và 6 Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
C THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ (02 TTHC)								
32	1	1.014258	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản: 44 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 31 ngày làm việc, kể	Điểm hỗ trợ số hóa Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện thì thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định); - Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. * Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản: 13 ngày làm việc				

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công; - Thời hạn trả kết quả: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.				
33	2	1.014259	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Thời hạn quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thì thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)	Điểm hỗ trợ số hóa Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
D		TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CHUNG CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ (01 TTHC)						

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
34	1	1.014256	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản: 44 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 31 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện thì thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định); - Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các hình thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công; - Nộp qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Điều 96, 97, 98 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Quyết định 231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND Thành phố.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			nhận được kết quả giải quyết. * Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản: 13 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công; - Thời hạn trả kết quả: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. * Thuộc một trong các trường hợp sau: (1) Tổ				

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				chức, cá nhân (đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 16/01/2026) đề nghị sử dụng khoáng sản là khối lượng tài nguyên nằm trong ranh giới khu vực được phép khai thác mà bắt buộc phải khai đào, bóc xúc mới thì công được công trình khai thác mỏ; (2) Tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng khoáng sản đã khai thác, thu hồi trong phạm vi ranh giới, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản và đang được lưu giữ hoặc tập kết tại các kho chứa, bãi chứa quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật số 147/2025/QH15: 11 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và thẩm định hồ sơ: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân;				

TT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				- Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.				

Phụ lục III

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày / /2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố)

TT	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
A	TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH (04 TTHC)		
1	Số thứ tự 27 phần I phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 1265/QĐ-TTPVHCC ngày 09/96/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội.	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Điều 89 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Số thứ tự 28 phần I phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 1265/QĐ-TTPVHCC ngày 09/96/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội.	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Điều 90 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3	Số thứ tự 29 phần I phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 1265/QĐ-TTPVHCC ngày 09/96/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội.	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Điều 91 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	Số thứ tự 30 phần I phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 1265/QĐ-TTPVHCC ngày 09/96/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội.	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Điều 92 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.

TT	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
			- Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/10/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
B	TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (01 TTHC)		
5	Số thứ tự 31 phần I phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 1265/QĐ-TTPVHCC ngày 09/96/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội.	Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV	- Điều 14 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.